

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-KĐCLGDTL ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc điều chỉnh nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên 25 thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo của các Trường Đại học Võ Trường Toản; Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh; Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 25 ngày 27 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh của đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ đúng theo quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ sau thẩm định: Đạt (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH CN Quảng Ninh;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ
Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh
(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 8 năm 2026
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	Không đạt (K)	Đạt (Đ)	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
Tiêu chuẩn 1			2	33,33	4	66,67
Tiêu chí 1.1		x				
Tiêu chí 1.2		x				
Tiêu chí 1.3 *		x				
Tiêu chí 1.4	x					
Tiêu chí 1.5	x					
Tiêu chí 1.6 *		x				
Tiêu chuẩn 2			1	14,29	6	85,71
Tiêu chí 2.1		x				
Tiêu chí 2.2 *		x				
Tiêu chí 2.3	x					
Tiêu chí 2.4 *		x				
Tiêu chí 2.5		x				
Tiêu chí 2.6		x				
Tiêu chí 2.7		x				
Tiêu chuẩn 3			1	20,00	4	80,00
Tiêu chí 3.1		x				
Tiêu chí 3.2 *		x				
Tiêu chí 3.3		x				
Tiêu chí 3.4		x				
Tiêu chí 3.5	x					
Tiêu chuẩn 4			2	28,57	5	71,43
Tiêu chí 4.1	x					
Tiêu chí 4.2		x				
Tiêu chí 4.3		x				
Tiêu chí 4.4		x				
Tiêu chí 4.5 *		x				
Tiêu chí 4.6		x				
Tiêu chí 4.7	x					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả đánh giá		Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
	Không đạt (K)	Đạt (Đ)	Số tiêu chí K	Tỷ lệ số tiêu chí K (%)	Số tiêu chí Đ	Tỷ lệ số tiêu chí Đ (%)
<i>Tiêu chuẩn 5</i>			1	12,50	7	87,50
Tiêu chí 5.1	x					
Tiêu chí 5.2 *		x				
Tiêu chí 5.3		x				
Tiêu chí 5.4		x				
Tiêu chí 5.5		x				
Tiêu chí 5.6		x				
Tiêu chí 5.7		x				
Tiêu chí 5.8		x				
<i>Tiêu chuẩn 6</i>			0	0,00	6	100,00
Tiêu chí 6.1		x				
Tiêu chí 6.2		x				
Tiêu chí 6.3		x				
Tiêu chí 6.4		x				
Tiêu chí 6.5		x				
Tiêu chí 6.6		x				
<i>Tiêu chuẩn 7</i>			1	12,50	7	87,50
Tiêu chí 7.1		x				
Tiêu chí 7.2	x					
Tiêu chí 7.3 *		x				
Tiêu chí 7.4		x				
Tiêu chí 7.5		x				
Tiêu chí 7.6		x				
Tiêu chí 7.7		x				
Tiêu chí 7.8		x				
<i>Tiêu chuẩn 8</i>			2	40,00	3	60,00
Tiêu chí 8.1		x				
Tiêu chí 8.2 *		x				
Tiêu chí 8.3	x					
Tiêu chí 8.4		x				
Tiêu chí 8.5	x					

Đánh giá chung chương trình đào tạo: Đạt



Phụ lục II

KIỆN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỗ

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐKĐCLGD ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỗ, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy có những điểm mạnh nổi bật cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu CTĐT được xác định theo quy định, quy trình và hướng dẫn của Trường; được ban hành trong các bản mô tả CTĐT và cập nhật trong chu kỳ đánh giá, thể hiện kỳ vọng về năng lực của người học sau tốt nghiệp, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường và mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng, rà soát, ban hành theo quy trình, có cấu trúc theo kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; có nội dung phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, bao gồm cả chuẩn đầu ra chung và chuẩn đầu ra chuyên biệt của ngành Kỹ thuật mỗ. Quy định, hướng dẫn về xây dựng chuẩn đầu ra học phần, ma trận học phần - chuẩn đầu ra đầy đủ, rõ ràng. Hoạt động thu thập ý kiến bên liên quan và đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT tại thời điểm người học tốt nghiệp được thực hiện.

2. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được xây dựng, cập nhật, phê duyệt và công bố theo quy định của Trường; có các thông tin cơ bản về mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, kế hoạch đào tạo, ma trận học phần - chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và điều kiện học trước/tiên quyết. CTĐT được thiết kế theo lộ trình từ kiến thức đại cương, cơ sở ngành đến chuyên ngành, thực tập và khóa luận/đồ án tốt nghiệp, có khối lượng học tập phù hợp với trình độ đại học và có ma trận thể hiện vai trò của các học phần trong hình thành chuẩn đầu ra. CTĐT được rà soát, có thu thập phản hồi bên liên quan, thực hiện đối sánh và cập nhật một số nội dung trong năm 2025. Cấu trúc CTĐT thể hiện các nhóm học phần bắt buộc, tự chọn, lý thuyết, thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, chính yếu và bổ trợ, được rà soát, cập nhật trong chu kỳ đánh giá.

3. Triết lý giáo dục của Trường được hướng dẫn xây dựng, rà soát, tuyên bố trong văn bản có giá trị pháp lý, phổ biến qua nhiều kênh và chuyển tải vào hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của CTĐT. Hoạt động dạy và học được thiết kế trên cơ sở quy định, đề cương học phần, ma trận chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học và một số hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần hỗ trợ người học đạt chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra học phần. CTĐT đã triển khai các hoạt động thúc đẩy học tập chủ động, tự học, học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học sinh viên, hội nghị khoa học, hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, thực tập, tham quan thực tế và khóa luận/đồ án tốt nghiệp. CTĐT, đề cương học phần được rà soát, khảo sát phản hồi người học và cập nhật

một số nội dung đào tạo trong chu kỳ đánh giá.

4. Các quy định, quy trình và hướng dẫn thiết kế, lựa chọn và triển khai phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành. CTĐT có nhiều hình thức đánh giá như chuyên cần, đánh giá quá trình, bài tập, kiểm tra, thi kết thúc học phần, thực hành, thực tập, báo cáo, thuyết trình và khóa luận/đồ án tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, liên chính học thuật, phúc khảo, xét công nhận kết quả học tập và xét tốt nghiệp được quy định đầy đủ. Các phương pháp đánh giá được thể hiện trong đề cương học phần, kế hoạch đánh giá, ngân hàng đề thi, đáp án, hướng dẫn chấm, thang điểm và một số rubrics; có cơ sở đo lường chuẩn đầu ra học phần, chuẩn đầu ra CTĐT thông qua ma trận học phần - chuẩn đầu ra và kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng người học. Kết quả đánh giá được phản hồi cho người học qua hệ thống quản lý đào tạo, giảng viên, Khoa, Phòng Đào tạo và các kênh thông tin của Trường.

5. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xây dựng và thực hiện bảo đảm đáp ứng các yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối phục vụ cộng đồng. Số lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu thực hiện CTĐT, nghiên cứu khoa học. Khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, đánh giá để cải tiến chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá, giám sát và đối sánh. Việc phân công nhiệm vụ cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể, phù hợp. Quy định về việc bổ nhiệm/thăng tiến của giảng viên, nghiên cứu viên được xây dựng, ban hành và thực hiện. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định rõ ràng; nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và triển khai thực hiện. Chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá hằng năm, được sử dụng trong việc xét thi đua, khen thưởng.

6. Chính sách, tiêu chí, quy trình tuyển sinh được xây dựng, công khai, triển khai và định kỳ cập nhật theo quy định; công tác tuyển sinh được tổ chức thống nhất, có sự tham gia của các bên liên quan. Yêu cầu năng lực của đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ được xác định trong vị trí việc làm và tiêu chí tuyển dụng, việc phân công, đánh giá cơ bản phù hợp với chức năng và năng lực. Các kế hoạch hỗ trợ người học bao quát dịch vụ học thuật và phi học thuật, gồm hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ năng, việc làm, học bổng và phục vụ cộng đồng được triển khai thực hiện. Duy trì khảo sát, đối thoại và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ để từng bước cải thiện chất lượng dịch vụ.

7. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng học trực tuyến, phòng học đa phương tiện và các phòng chức năng có tỷ lệ diện tích/người học có tỷ lệ diện tích đáp ứng quy định hiện hành. Hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống máy tính, hệ thống mạng internet, hệ thống học trực tuyến, trang thông tin điện tử cơ bản đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cũng như nhu cầu phục vụ quản lý hành chính, định kỳ được đánh giá chất lượng, sửa

chữa và bổ sung. Môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thiên nhiên thân thiện, thuận lợi cho các hoạt động của giảng viên và người học.

8. CTĐT có hệ thống quy định và phân công trách nhiệm trong thu thập, theo dõi các chỉ số đầu ra. Tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp và tình trạng việc làm được thống kê theo khóa, theo năm. Khảo sát việc làm có tỷ lệ phản hồi cao, người học tốt nghiệp có việc làm và làm đúng hoặc gần ngành ở mức tích cực. Trường bước đầu triển khai đo lường mức độ người học đạt chuẩn đầu ra và sử dụng kết quả trong rà soát CTĐT. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, người học được tổ chức, thống kê và có một số sản phẩm chuyên môn. Người học hài lòng ở mức tương đối cao về giảng viên, CTĐT và các dịch vụ hỗ trợ.

II. KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh và Khoa Mỏ công trình cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 8 nhóm giải pháp sau đây:

1. Hoàn thiện hồ sơ rà soát mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT, làm rõ căn cứ, dữ liệu, bên liên quan tham gia, nội dung tiếp thu và kết quả điều chỉnh; rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra theo hướng làm nổi bật năng lực an toàn, môi trường, dữ liệu mỏ, mô phỏng, tự động hóa, quản trị rủi ro và khai thác bền vững; cụ thể hóa hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra của học phần; hoàn thiện đối sánh chuẩn đầu ra với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Khung năng lực số và chuẩn nhóm ngành hoặc căn cứ thay thế phù hợp; mở rộng, chuẩn hóa việc thu thập và sử dụng phản hồi bên liên quan bên ngoài; cập nhật đồng bộ đề cương học phần theo chuẩn đầu ra năm 2025, hoàn thiện phương pháp đo lường, báo cáo tổng hợp kết quả đạt chuẩn đầu ra và bảng truy vết cải tiến sau đo lường.

2. Hoàn thiện bản mô tả CTĐT và đề cương học phần theo hướng rõ phiên bản, khóa áp dụng, phương thức đào tạo, sơ đồ lộ trình học tập, quan hệ học trước/tiên quyết và thông tin hỗ trợ bên liên quan tiếp cận; xây dựng bản đồ phát triển năng lực, thuyết minh cơ sở lựa chọn khối kiến thức, học phần cốt lõi, hoạt động thực hành/thực tập và nguyên tắc gán mức đóng góp trong ma trận học phần - chuẩn đầu ra; chuẩn hóa việc thu thập, phân tích, tiếp thu và truy vết phản hồi bên liên quan, đặc biệt là bên liên quan bên ngoài; lập báo cáo phân tích mức đóng góp từng học phần, tính logic, linh hoạt, định hướng nghề nghiệp và tác động của các lần cập nhật CTĐT, đề cương học phần sau rà soát.

3. Triển khai Triết lý giáo dục ở cấp CTĐT, đánh giá định kỳ mức độ phổ biến, hiểu, vận dụng và chuyển tải Triết lý giáo dục vào hoạt động đào tạo ngành Kỹ thuật mỏ; cụ thể hóa hướng dẫn thiết kế hoạt động dạy và học theo chuẩn đầu ra cho từng nhóm học phần, xây dựng sản phẩm tổng hợp về mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT, chuẩn đầu ra học phần, hoạt động học tập và phương pháp dạy học; rà soát đề cương học phần để mô tả rõ hoạt động học tập, sản phẩm học tập, yêu cầu tự học và phản hồi của giảng viên; thống kê, phân tích sự tham gia

của người học vào nghiên cứu khoa học, hoạt động học thuật, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; lập báo cáo định kỳ đánh giá quá trình dạy học, tổng hợp dữ liệu phản hồi, dự giờ, kết quả học tập, việc làm, phản hồi bên liên quan và truy vết các cải tiến sau rà soát.

4. Cụ thể hóa hướng dẫn thiết kế phương pháp đánh giá theo từng nhóm chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát đề cương học phần để bổ sung bảng liên kết giữa chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của CTĐT, phương pháp đánh giá, nội dung đánh giá, trọng số, tiêu chí/rubrics và minh chứng đánh giá; hoàn thiện quy định về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo, xét công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp và đánh giá trực tuyến; khảo sát mức độ người học hiểu quy định, tăng cường giám sát việc áp dụng nhất quán; chuẩn hóa rubrics, đáp án, thang điểm cho các học phần chuyên ngành, thực hành, thực tập, báo cáo kỹ thuật và khóa luận/đồ án tốt nghiệp; hoàn thiện quy trình đo lường chuẩn đầu ra học phần, chuẩn đầu ra CTĐT, báo cáo kết quả theo từng khóa tốt nghiệp, phân tích chuẩn đầu ra đạt thấp và thiết lập bảng truy vết từ kết quả rà soát đánh giá đến các cải tiến trong đề cương học phần, đề thi, ngân hàng đề, trọng số, phản hồi, phúc khảo và đo lường chuẩn đầu ra.

5. Xây dựng chính sách phát triển chất lượng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên nhằm tăng tỷ lệ đội ngũ GS/PGS/TS bảo đảm yêu cầu thực hiện CTĐT; có giải pháp tăng số lượng người học để sử dụng nguồn lực giảng viên tương xứng; xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên về phát triển CTĐT, dạy học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; tổ chức đánh giá hiệu quả của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng làm cơ sở để cải tiến; xây dựng cơ chế/giải pháp phù hợp để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

6. Xây dựng hệ thống phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và theo dõi công tác tuyển sinh riêng cho ngành Kỹ thuật mở để xác định chỉ tiêu, đối tượng và giải pháp tuyển sinh phù hợp; hoàn thiện khung năng lực theo vị trí việc làm, liên kết kết quả đánh giá, phản hồi của các bên liên quan với đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng đội ngũ cung cấp dịch vụ hỗ trợ; chuẩn hóa kế hoạch hỗ trợ người học theo từng nhóm dịch vụ, xác định rõ mục tiêu, nguồn lực, chỉ số kết quả và cơ chế phối hợp liên đơn vị; tăng cường các dịch vụ đặc thù về kỹ năng nghề, an toàn, thực hành, thực tập, học bổng và kết nối tuyển dụng với doanh nghiệp khai khoáng; thực hiện đầy đủ chu trình vấn đề - hành động - kết quả - cải tiến.

7. Đầu tư cho CTĐT Kỹ thuật mở ít nhất 01 phòng mô phỏng và bổ sung các phần mềm thiết yếu chuyên biệt theo yêu cầu của CTĐT; rà soát các tiêu chuẩn/tiêu chí chất lượng của thư viện, phòng học trực tuyến, phòng đa phương tiện, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, ký túc xá, sân bãi thể thao, và các dịch vụ hỗ trợ khác để từ đó định kỳ đánh giá mức đạt chất lượng và từ đó có các kế hoạch đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu của CTĐT, bảo đảm chu trình PDCA; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng, dễ đo lường để đánh giá năng lực đội ngũ hỗ trợ về cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp với từng vị trí việc làm.

8. Chuẩn hóa định nghĩa, công thức và cơ sở dữ liệu các chỉ số tốt nghiệp, thôi học, việc làm theo từng khóa tuyển sinh; mở rộng đối sánh với các CTĐT Kỹ thuật mở tương đồng và thống nhất đối tượng, thời điểm, phương pháp tính; thiết lập cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học theo CTĐT và theo dõi chuỗi mục tiêu - giải pháp - sản phẩm - kết quả cải tiến; tăng hỗ trợ công bố chất lượng cao, đề tài doanh nghiệp, sản phẩm ứng dụng và nghiên cứu khoa học của NH; hoàn thiện đo lường chuẩn đầu ra; tổ chức khảo sát đầy đủ, định kỳ đối với mọi bên liên quan và theo dõi việc xử lý, đánh giá lại sau cải tiến.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 8 nhóm giải pháp, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật mỏ. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.